

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T1
TỈNH T2**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HSST

Ngày 14/01/2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hiểu.

Ông Phạm Mã Siêu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Hiểu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên tòa:
Bà Phí Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 124/2024/HSST ngày 24/12/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Trương Quốc Th1, sinh ngày 27/11/1997; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn AQ, xã NTh (nay là xã NT), huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Đ và bà Vũ Thị M; có vợ là Trương Thị Y và có 2 con, con lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Thị Ph1, sinh ngày 10/7/2000; nơi sinh: huyện T1, tỉnh T2; nơi cư trú: Thôn TH, xã NTh1 (nay là xã NT), huyện T1, tỉnh T2; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T và bà Trương Thị H; bị cáo chưa có chồng, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội huyện T1, tỉnh T2.

Đại diện theo uỷ quyền: Bà Vũ Thị H, Phó Giám đốc (vắng mặt).

2. Chị Tạ Thị D, sinh năm 1995, trú tại thôn Đ, xã TTr, huyện TT, tỉnh T2 (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trương Thị Ph1 là công nhân làm việc tại Chi nhánh Công ty TNHH T tại T2, địa chỉ: Khu công nghiệp T1, huyện T1, tỉnh T2 từ tháng 5/2023 đến tháng 9/2024. Trong quá trình làm việc tại công ty, vào các ngày 08/07/2024, 09/07/2024, 11/07/2024, 12/07/2024, Ph1 bị ốm nên xin nghỉ việc tại Công ty T, theo quy định của công ty khi nghỉ việc Ph1 phải nộp “Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng Bảo hiểm xã hội” (gọi tắt là Giấy chứng nhận) thì mới được hưởng tiền lương của ngày nghỉ đó và tiền chế độ bảo hiểm xã hội (chế độ ốm đau). Trương Thị Ph1 đã nảy sinh ý định làm giả Giấy chứng nhận của Bệnh viện đa khoa T1 để nộp vào Công ty. Chiều ngày 10/7/2024, Ph1 cầm theo một Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng Bảo hiểm xã hội do Bệnh viện đa khoa T1 (số sê ri 343112400710) cấp cho Ph1 trong đợt khám bệnh ngày 08/03/2024 có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Bệnh viện đa khoa T1, một hình dấu chức danh ghi: Phó giám đốc BSCKI Nguyễn Văn Ch, chữ ký của ông Nguyễn Văn Ch và bà Nguyễn Thị L A đến cửa hàng “Studio 98”, tại thôn Ái Quốc, xã NT, huyện T1 của anh rể Ph1 là Trương Quốc Th1 làm chủ để nhờ Th1 làm giả hai tờ giấy chứng nhận. Ph1 nói với Th1: “Em muốn in màu cái này và sửa ngày với phần nội dung chẩn đoán hộ em để em nộp lên công ty” đồng thời đưa tờ giấy chứng nhận (bản gốc) cho Th1 và bảo Th1 chỉnh sửa thành hai bản, giữ nguyên kích thước, thể thức văn bản, màu mực của bản gốc, chỉ chỉnh sửa các nội dung: Phần chẩn đoán và Ph1 pháp điều trị (Tên bệnh và số ngày nghỉ) và Phần ngày tháng năm ban hành cụ thể như sau: Chỉnh sửa nội dung phần ⁽¹⁾“II. Chẩn đoán và Ph1 pháp điều trị” từ “ĐAU BỤNG/ HC DẠ DÀY” thành “NGỘ ĐỘC, TIÊU CHẢY”; Chỉnh sửa ⁽²⁾“Số ngày nghỉ: 01 (ngày) (Từ ngày 08/3/2024 đến hết ngày 08/3/2024” lần lượt thành: “Số ngày nghỉ: 02 (ngày) (Từ ngày 08/07/2024 đến hết ngày 09/07/2024” và “Số ngày nghỉ: 02 (ngày) (Từ ngày 11/07/2024 đến hết ngày 12/07/2024”; Chỉnh sửa ⁽³⁾“Ngày 08 tháng 3 năm 2024” ở phía trên mục “Người hành nghề KB, CB” lần lượt thành “Ngày 08 tháng 07 năm 2024” và “Ngày 11 tháng 07 năm 2024” là ngày cấp

của hai Giấy chứng nhận của Bệnh viện đa khoa T1 cấp cho Trương Thị Ph1. Th1 đồng ý làm, Th1 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu xám chụp ảnh tờ Giấy chứng nhận (bản gốc) của Ph1 đưa, tải ảnh lên máy tính nhãn hiệu Dell Inspiron 5559, màu đen của Th1. Th1 sử dụng phần mềm photoshop để chỉnh sửa các nội dung Ph1 yêu cầu thành hai Giấy chứng nhận giả. Sau khi chỉnh sửa xong, Th1 kết nối máy tính với máy in màu nhãn hiệu Canon Pixma IX 6770, màu đen, in hai Giấy chứng nhận giả (một Giấy chứng nhận ngày 08/07/2024, một Giấy chứng nhận ngày 11/07/2024) đưa lại cho Ph1 kèm theo bản gốc, Ph1 mang các Giấy chứng nhận trên và đi về nhà. Đến ngày 13/7/2024, Ph1 mang hai Giấy chứng nhận giả do Th1 làm, nộp cho Công ty T để làm hồ sơ nghỉ và hưởng chế độ bảo hiểm y tế (chế độ ốm đau).

Ngày 23/7/2024, Phòng Hành chính nhân sự của Công ty T đã lập danh sách đề nghị giải quyết hưởng chế độ, ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khỏe đợt 1 tháng 7 năm 2024 để gửi Bảo hiểm xã hội huyện T1 đề nghị thanh toán chế độ bảo hiểm xã hội cho Trương Thị Ph1 (chế độ ốm đau, số ngày nghỉ: 4 ngày) đến ngày 31/7/2024, Bảo hiểm xã hội huyện T1 đã thanh toán tiền chế độ bảo hiểm cho Trương Thị Ph1 số tiền là 298.750đồng (Hai trăm chín mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng). Sau đó, qua rà soát, kiểm tra, đối chiếu hồ sơ để giải quyết, BHXH huyện T1 đã phát hiện hai giấy chứng nhận của Trương Thị Ph1 không có trong lịch sử khám chữa bệnh trên cổng tiếp nhận thông tin giám định bảo hiểm y tế nên đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện T1, tỉnh T2 đề nghị điều tra hành vi sử dụng giấy tờ giả của Trương Thị Ph1.

Quá trình điều tra, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSTH ngày 23/12/2024, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 quyết định truy tố bị cáo Trương Quốc Th1 về tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trương Thị Ph1 về tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố: Bị cáo Trương Quốc Th1 phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự; bị cáo Trương

Thị Ph1 phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

1. Đối với bị cáo Trương Quốc Th1: Đề nghị áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thời gian thử thách từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng.

2. Đối với bị cáo Trương Thị Ph1: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật hình sự, đề nghị mức hình phạt từ 30 đến 35 triệu đồng.

Viện Kiểm sát không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Ngoài ra, Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 đề nghị xử lý vật chứng và án phí.

Các bị cáo đồng ý với tội danh, hình phạt mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì. Trong lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo đều khai nhận: Trương Thị Ph1 là công nhân làm việc tại Chi nhánh Công ty T tại T2, trong quá trình làm việc tại công ty, vào các ngày 08/07/2024, 09/07/2024, 11/07/2024, 12/07/2024, Trương Thị Ph1 bị ốm nên xin nghỉ việc tại Công ty T, theo quy định của công ty khi nghỉ việc Ph1 phải nộp “Giấy chứng nhận nghỉ việc hưởng Bảo hiểm xã hội” thì mới được hưởng tiền lương của ngày nghỉ đó và tiền chế độ bảo hiểm xã hội nên ngày 10/7/2024, Ph1 cầm theo một Giấy chứng nhận do Bệnh viện đa khoa T1 cấp cho Ph1 trong đợt khám bệnh ngày 08/03/2024 có đóng hình dấu tròn màu đỏ của Bệnh viện đa khoa T1 đến cửa hàng “Studio 98” của Trương Quốc Th1 (anh rể Ph1) nhờ Th1 làm giả hai tờ giấy chứng nhận. Ngày 13/7/2024, Ph1 cầm hai Giấy chứng nhận giả do Th1 làm, nộp cho Công ty T và sau đó được Bảo hiểm xã hội huyện T1 thanh toán tiền chế độ bảo hiểm là 298.750 đồng.

[2.1] Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp và được chứng minh bằng:

Công văn số 259/CV- BHHX ngày 16/9/2024 của Bảo hiểm xã hội huyện T1; Biên bản làm việc ngày 01/8/2024 tại bệnh viện đa khoa huyện T1; Biên bản làm việc hồi 15 giờ 50 phút ngày 17/9/2024 tại Bệnh viện đa khoa T1 về thu thập lịch sử khám chữa bệnh điều trị tại bệnh viện của Trương Thị Ph1; Biên bản kiểm tra điện thoại di động, máy tính của Trương Quốc Th1 do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 19/9/2024; Biên bản quản lý, niêm phong đồ vật tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 19/9/2024; Biên bản giao nhận tài liệu đồ vật do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 2/10/2024; Biên bản giao nhận tài liệu đồ vật và biên bản niêm phong đồ vật tài liệu bị tạm giữ do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 17/9/2024; Biên bản giao nhận tài liệu đồ vật do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T1 lập ngày 17/9/2024; Bản kết luận giám định số 1424 ngày 1/10/2024 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh T2; Biên bản ghi lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.2] Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên, có đủ chứng cứ khách quan để kết luận: Trương Thị Ph1 đã phạm vào tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Trương Quốc Th1 đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều 341. Tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức

1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

.....

c) Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác;

.....

4. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo thấy rằng:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, gây ảnh hưởng không tốt đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi làm giả, sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Trong vụ án này, cả 02 bị cáo đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường, khắc phục toàn bộ hậu quả. Bị cáo Trương Thị Ph1 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[5] Về trách nhiệm hình sự:

[5.1] Xét mức độ, vai trò; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của từng bị cáo Hội đồng xét xử đánh giá trách nhiệm hình sự như sau: Bị cáo Th1 là người được bị cáo Ph1 nhờ làm 02 tài liệu nên phải chịu hình phạt theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự; bị cáo Ph1 sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nên phải chịu hình phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

[5.2] Các bị cáo đều có nhân thân tốt, bản thân sau khi phạm tội chấp hành tốt chủ trương chính sách, pháp luật nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo này ra khỏi đời sống xã hội, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách đối với Th1 và xử phạt tiền đối với bị cáo Ph1 cũng đủ để giáo dục các bị cáo và là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5.3] Bị cáo Th1 làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức nhưng bị cáo làm giả không có mục đích thu lợi bất chính; bị cáo Ph1 đã áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám, số sê ri: C, số IMEI: x; 01 chiếc máy tính nhãn hiệu Dell Inspiron 5559, màu đen; 01 máy in

màu nhãn hiệu Canon Pixma IX 6770 màu đen đã thu giữ của Trương Quốc Th1, Hội đồng xét xử xét thấy đây là các tài sản của Th1 sử dụng cho hoạt động nghề nghiệp, là phương tiện lao động kiếm sống của Th1, đây là lần đầu sử dụng để sản xuất giấy tờ giả; bản thân Th1 sản xuất giấy tờ giả không vì mục đích thu lợi bất chính; bị cáo Th1 có đề nghị xin lại các tài sản trên, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo Trương Quốc Th1 và Trương Thị Ph1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Trương Quốc Th1 phạm tội “*Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.
- Bị cáo Trương Thị Ph1 phạm tội “*Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

2. Xử phạt:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Quốc Th1 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 35 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trương Thị Ph1 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trương Quốc Th1 cho Ủy ban nhân dân xã NT, huyện T1, tỉnh T2 giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì áp dụng Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015:

Trả lại cho bị cáo Trương Quốc Th1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu xám, số sê ri: C, số IMEI: x; 01 chiếc máy tính nhãn hiệu Dell Inspiron 5559, màu đen; 01 máy in màu nhãn hiệu Canon Pixma IX 6770 màu đen.

(Toàn bộ vật chứng có đặc điểm mô tả chi tiết trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 23/12/2024 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T1, tỉnh T2).

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc các bị cáo Trương Quốc Th1, Trương Thị Ph1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, các bị cáo Trương Quốc Th1, Trương Thị Ph1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 14/01/2025; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo về vấn đề liên quan trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 14/01/2025, những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh T2;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh T2;
- Sở Tư pháp tỉnh T2;
- VKSND huyện T1;
- Công an huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND xã NT;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

